TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG** ---***---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019.
"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Đức Nhâm.**

Bà **Chúc Thị Phương.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phúc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa***: Bà **Ma Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc *"tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ú, sinh năm 1979.

Bị đơn: Anh Lý Văn P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y,huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người phiên dịch: Bà Đặng Thị Hải L - Cán bộ UBND xã T.

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Ú trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn Pú qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1999 tại thôn N, xã Yên H, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh P thường xuyên uống rượu rồi gây sự chửi bới, thậm chí còn đánh, đuổi chị ra khỏi nhà rất nhiều lần, không chịu nổi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tỉnh Bắc Kạn sinh sống, chị và anh P sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị Ú xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn P;

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Lý Càn D, sinh ngày 12/9/2000; cháu Lý Văn G, sinh ngày 17/12/2002 và cháu Lý Thị Ph, sinh ngày 23/5/2005. Cháu D đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường về tâm lý và thể chất chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ph, anh P nuôi cháu G hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P và chị Ú chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống vợ chồng anh sống hoà thuận hạnh phúc tại thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Pú bị đau chân nên không thể làm việc được vì lý do đó mà chị Ú bỏ nhà đi chung sống cùng người đàn ông khác ở Bắc Kạn vợ chồng anh, chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ú có đơn xin ly hôn anh P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh P xác định vợ chồng anh có 03 con chung là: Cháu Lý Càn D, sinh ngày 12/9/2000; Cháu Lý Văn G, sinh ngày 17/12/2002; Cháu Lý Thị Ph, sinh ngày 23/5/2005.

Do cháu D đã lớn và đủ tuổi trưởng thành nên anh không đề nghị Toà án giải quyết. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu G, chị Ú nuôi cháu Ph hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên toà chị Ú giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn P, về con chung chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, còn cháu Ph sẽ do anh Pú trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị Ú, về con chung anh nhận trực tiếp nuôi cháu Ph, chị Ú trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P là vợ chồng. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 15, 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình giao Cháu Lý Văn G, sinh ngày 17/12/2002 cho chị Đặng Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lý Thị Ph, sinh ngày 23/5/2005 cho anh Lý Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Về chia tài sản chung: Chị Ú và anh Pú đều xác không có tài sản chung và vay nợ chung: Nên không đề nghị giải quyết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ú giải quyết việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang quy định tại khoản 7 Điều 28 ; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P qua tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa chị Ú giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Lý Văn P là nhất trí ly hôn với chị Đặng Thị Ú, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P xác định có 03 con chung là Cháu Lý Càn D, sinh ngày 12/9/2000; Cháu Lý Văn G, sinh ngày 17/12/2002; Cháu Lý Thị Ph, sinh ngày 23/5/2005. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ú và anh P đã tự nguyện thoả thuận chị Ú trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Thị Ph, anh Pú trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Văn G. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị Ú và anh Pú cùng xác định cháu Lý Càn D, sinh ngày 12/9/2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết. Tại phiên Toà chị Đặng Thị Ú có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu G, còn cháu Ph do anh P trực tiếp nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anh P nhất trí với ý kiến của chị Ú. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lý Văn G cho chị Đặng Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lý Thị Ph cho anh Lý Văn P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung. Đối với cháu Lý Càn D, sinh

ngày 12/9/2000 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường về tâm sinh lý và thể chất nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử :

*1. **Về hôn nhân***: Không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P là vợ chồng.

*2. **Về con chung***: Giao cháu Lý Văn G, sinh ngày 12/9/2000 cho chị Đặng Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lý Thị Ph, sinh ngày 23/5/2005 cho anh Lý Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị Ú và anh Lý Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*3. **Về án phí***: Chị Đặng Thị Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị Ú đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005998 ngày 20/3/2019, nay được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (Chị Ú đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2019)./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKS huyện + tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ